TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 3 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 81/2026/HNGĐ-ST
Ngày: 21-7-2026
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Cao Cường;

*Các Hội thẩm nhân dân:*Ông Nhữ Mai Thỏa và bà Lê Thị Thịnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Doãn Phương Liên - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2026/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2026 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1037/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 7 năm 2026, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Hoàng Thị H - sinh năm: 1990;

Số CCCD: 038190015595;

Nơi thường trú: Số nhà H, thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa;

Nơi ở hiện tại: Thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt);

- *Bị đơn:* Anh Hà Quang M - sinh năm: 1982;

Số CCCD: 038082032738;

Địa chỉ: Số nhà H, thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ngày 02 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Hoàng Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và anh Hà Quang M kết hôn vào ngày 14 tháng 7 năm 2016 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai bị lừa dối, ép buộc; đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa (nay là Ủy ban nhân dân xã T, tỉnh Thanh Hóa). Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến giữa năm 2020 thì mâu thuẫn phát sinh. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách không hợp, bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi vã, xung đột, cuộc sống

gia đình trở nên ngột ngạt. Mỗi lần vợ chồng mâu thuẫn, anh M lại đánh chị. Do không chịu đựng được nên năm 2020, chị đưa con về bên ngoại để sinh sống. Sau đó, anh M có qua lại, xin lỗi, hứa sửa chữa nên giữa năm 2021, chị đưa con về tiếp tục chung sống cùng anh M. Quá trình chung sống, cuối năm 2025 thì mâu thuẫn trở nên trầm trọng do anh M không sửa đổi được tính cách. Kể từ tháng 5 năm 2026 cho đến nay, chị đưa hai con về bên ngoại sinh sống, chị và anh M không ai quan tâm, chăm sóc đến ai, ai lo bổn phận người đó. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, hôn nhân không được hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Hà Quang M.

Về con chung: Chị và anh M có 02 (hai) con chung là: Hà Việt H1 - sinh ngày: 19/4/2017 và Hà Quang Đăng K - sinh ngày: 16/5/2023. Cả hai con đều đang ở với chị.

Sau khi ly hôn, chị yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng, yêu cầu anh M cấp dưỡng cho con, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con với tổng số tiền là 4.000.000 đồng/tháng). Hiện chị đang làm nhân viên tại Công ty Cổ phần D, thu nhập bình quân mỗi tháng từ 12.000.000 đồng đến 13.500.000 đồng. Việc chị yêu cầu anh M cấp dưỡng cho hai con với mức như trên là phù hợp với thu nhập của anh M, cùng với thu nhập của chị, chị cam đoan đủ điều kiện nuôi dưỡng cả hai con.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai ngày 15 tháng 6 năm 2026, bị đơn là anh Hà Quang M trình bày:*

Về hôn nhân: Anh và chị Hoàng Thị H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Thanh Hóa. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2026 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau. Anh và chị H ly thân kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến nay. Anh không có giải pháp gì để vợ chồng đoàn tụ. Nay chị H xin ly hôn thì anh cũng đồng ý.

Về con chung: Anh và chị H có 02 (hai) con chung là: Hà Việt H1 - sinh ngày: 19/4/2017 và Hà Quang Đăng K - sinh ngày: 16/5/2023. Cả hai con đều đang ở với chị H.

Sau khi ly hôn, anh đồng ý để chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con, anh sẽ cấp dưỡng cho con, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng) như chị H yêu cầu.

Về tài sản và nghĩa vụ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tại bản trình bày ý kiến ngày 11 tháng 6 năm 2026, cháu Hà Việt H1 có nguyện vọng được ở với mẹ là Hoàng Thị H, nếu bố mẹ ly hôn.

* Biên bản xác minh ngày 02 tháng 7 năm 2026 tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa, cho thấy:

- Anh Hà Quang M và chị Hoàng Thị H kết hôn vào năm 2016. Sau khi kết hôn, anh chị chung sống tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa. Thời gian gần đây, anh chị có xảy ra mâu thuẫn nên chị H đã làm đơn xin ly hôn anh M. Nguyên nhân mâu thuẫn giữa anh M và chị H thì Trưởng thôn không nắm được, vì anh chị không báo cáo cũng như không đề nghị thôn hòa giải. Hiện tại, chị H và các con không còn chung sống cùng anh M tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa nữa.

- Anh M và chị H có 02 (hai) con chung là: Hà Việt H1 và Hà Quang Đăng K. Các con đang sống cùng chị H.

- Anh M làm tự do, có thu nhập ổn định từ 7.000.000 đồng đến 9.000.000 đồng/tháng. Chị H hiện không còn sinh sống tại địa phương nên Trưởng thôn không biết mức thu nhập hằng tháng của chị như thế nào.

* *Tại phiên tòa*: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa phát biểu ý kiến:*

- Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án là đúng với quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

+ Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hà Quang M.

+ Về con chung: Giao cháu Hà Việt H1 và cháu Hà Quang Đăng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng. Anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng), thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi các con thành niên.

+ Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đề nghị không xem xét.

+ Về án phí: Chị H, anh M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đây là vụ án ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là anh Hà Quang M có nơi cư trú tại thôn P, xã T, tỉnh Thanh Hóa nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Thanh Hóa theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Nguyên đơn chị Hoàng Thị H và bị đơn anh Hà Quang M vắng mặt tại phiên tòa nhưng đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về hôn nhân:

Chị Hoàng Thị H và anh Hà Quang M kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền vào ngày 14 tháng 7 năm 2016, nên hôn nhân giữa chị H và anh M là hợp pháp.

Quá trình chung sống, giữa chị H và anh M có phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống. Do mâu thuẫn trầm trọng, chị H và anh M đã ly thân kể từ tháng 4 năm 2026 cho đến nay. Hiện chị H cùng hai con đã về bên ngoại ở thôn T, xã T, tỉnh Thanh Hóa để sinh sống. Anh M cũng khẳng định anh không có giải pháp gì để vợ chồng quay về đoàn tụ, tiếp tục chung sống; đồng thời, anh cũng có quan điểm đồng ý ly hôn chị H.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định, tình nghĩa vợ chồng giữa chị H và anh M không còn, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H là có cơ sở; vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị H, xử cho chị H được ly hôn với anh M.

[3] Về con chung:

[3.1] Chị H và anh M đều thừa nhận có 02 (hai) con chung là: Hà Việt H1 - sinh ngày: 19/4/2017 và Hà Quang Đăng K - sinh ngày: 16/5/2023, cả hai con đều đang ở với chị H.

Sau khi ly hôn, chị H yêu cầu Tòa án giao cả hai con cho chị trực tiếp nuôi dưỡng. Yêu cầu này của chị H phù hợp với ý kiến của anh M về việc đồng ý cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng hai con, đồng thời cũng phù hợp với nguyện

vọng của cháu Hà Việt H1 là muốn được ở với mẹ. Đối với cháu Hà Quang Đăng K, do cháu còn nhỏ nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ nhiều hơn.

Căn cứ vào điều kiện hoàn cảnh thực tế, yêu cầu của đương sự, nguyện vọng của cháu Hà Việt H1; để không làm thay đổi môi trường sống và học tập của các cháu, Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình, chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Hà Việt H1 và cháu Hà Quang Đăng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp và bảo đảm quyền lợi cho các cháu. Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

[3.2] Về nghĩa vụ cấp dưỡng cho con:

Ý kiến trình bày của các đương sự và kết quả xác minh tại địa phương cho thấy, chị H và anh M đều có thu nhập ổn định, đủ điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng các con. Chị H yêu cầu anh M cấp dưỡng cho hai con, mỗi con với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai con là 4.000.000 đồng/tháng); anh M cũng đồng ý với yêu cầu này của chị H.

Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 82, Điều 83, Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình, điều kiện kinh tế - xã hội ở địa phương, thu nhập của đương sự ở thời điểm hiện tại và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng, chấp nhận sự tự nguyện của các đương sự về việc anh M có nghĩa vụ cấp dưỡng cho hai con là Hà Việt H1 và Hà Quang Đăng K, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng cho con tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu H1, cháu K thành niên.

[4] Về tài sản và nghĩa vụ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Chị Hoàng Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, anh Hà Quang M phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 110 và Điều 116 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; khoản 4 Điều 147; Điều 238; Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

* Xử:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Hoàng Thị H, cho chị Hoàng Thị H được ly hôn anh Hà Quang M.

- Về con chung: Công nhận chị H và anh M có 02 (hai) con chung là: Hà Việt H1 - sinh ngày: 19/4/2017 và Hà Quang Đăng K - sinh ngày: 16/5/2023.

Giao cháu Hà Việt H1 và cháu Hà Quang Đăng K cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Anh M phải có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hà Việt H1 và cháu Hà Quang Đăng K, mỗi cháu với số tiền là 2.000.000 đồng/tháng (hai triệu đồng/tháng) (cả hai cháu là 4.000.000 đồng/tháng); thời gian cấp dưỡng tính từ tháng 7 năm 2026 cho đến khi cháu H1, cháu K thành niên.

Anh M có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

- Về án phí:

+ Chị Hoàng Thị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0004183 ngày 26 tháng 5 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự khu vực 3 - Thanh Hóa; chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

+ Anh Hà Quang M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo định kỳ.

- Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 36 và Điều 72 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 34 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 3 - Thanh Hóa;
- Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Lê Cao Cường